TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09/02/2018
"*V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Quân
Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Lưu Ngọc Khoa.
Thư ký phiên tòa : Ông Điểu SMi
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Đinh Tiến Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 125/2017/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 về việc: *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST – DS ngày 08 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Mai Hồng Ch, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn B, xã Q T, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông - Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: chị Vũ Thị D, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn B, xã Q T, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Mai Hồng C trình bày:

Vào năm 2002 anh Ch và chị Vũ Thị D quen biết và yêu thương nhau và cả hai được gia đình tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ B S, huyện T Đ, tỉnh Đăk Nông.

Trong khoảng thời gian chung sống với nhau thời gian đầu sống rất hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn như chửi nhau, xúc phạm nhau, chị D đã nhiều lần bỏ đi khỏi nhà. Từ năm 2015 chị D đã bỏ đi khỏi nhà gia đình đã liên hệ nhiều canh thông tin nhưng không ai biết chị D đi đâu và làm gì. Anh Ch đã yêu cầu Tòa án tuyên bố chị D mất tích theo quyết định số 04/2017/QĐDS-ST ngày 20/10/2017 về việc " Tuyên bố một người mất tích".

Do tình cảm vợ chồng không còn và đã được Tòa án tuyên bố một người mất tích nên anh Ch mới làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống với chị D chúng tôi có 02 con chung gồm: cháu Mai Hồng S sinh ngày 21/12/2003; cháu Mai Hồng Ng, sinh ngày 28/8/2007. Nếu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị D thì tôi xin là người trực tiếp trông non, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Vũ Thị D không có mặt tại địa phương, trước khi khởi kiện vụ án này thì anh Ch đã yêu cầu tuyên bố mất tích theo quyết định số 04/2017/QĐDS-ST ngày 20/10/2017 về việc " Tuyên bố một người mất tích".

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị Vũ Thị D và xin nuôi dưỡng các con chung cho đến khi các cháu trưởng thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục tố tụng và hướng xử lý vụ án: Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc. Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và bị đơn đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo quyết định số 04/2017/QĐDS-ST ngày 20/10/2017 về việc " Tuyên bố một người mất tích" nên giải quyết cho ly hôn và con chung cần giao cho anh Ch là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, trông nom đến tuổi trưởng thành là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện Toà án đã triệu tập các đương sự trong vụ án lên, tống đạt các thủ tục tố tụng, công khai chứng cứ và hoà giải giữa các đương sự theo quy định. Bị đơn là chị Vũ Thị D đã bỏ nhà đi năm 2015 và đã bị tuyết bố mất tích theo quyết định số 04/2017/QDDS-ST ngày 20/10/2017. Vì vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải thành được nên Toà án ban hành quyết định đưa ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng thủ tục tố tụng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn xét xử vắng mặt bị đơn. Bị đơn chị Vũ Thị D có địa chỉ tại Thôn B, xã Q T, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và nội dung tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của anh Mai Hồng Ch trình bày anh và chị D đến chung sống với nhau từ năm 2002 và cũng đã nộp trích lục kết hôn (bản sao) cho Tòa án vào năm 2017 và bản sao giấy

khai sinh con chung. Do mâu thuẫn gia đình và vợ chồng đã sống ly thân, chị D đã bị tuyên bố mất tích nên anh Ch yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn và nuôi con. Nên vụ án này có quan hệ pháp luật là tranh chấp về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[3] Về quan hệ hôn nhân: anh Ch và chị D đến chung sống với nhau từ năm 2002 và đăng ký kết hôn số 02/2003 ngày 24 tháng 01 năm 2003 tại UBND xã Đ B S, huyện T Đ; có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Mai Hồng Ch và chị Vũ Thị D là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Anh Mai Hồng Ch nộp đơn xin ly hôn với chị D cho rằng giữa anh Ch và chị D đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chửi nhau, xúc phạm nhau và đe dọa đánh đập. Chị D đã bỏ nhà đi từ năm 2015 và anh Ch đã yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích theo quyết định số 04/2017/QDDS-ST ngày 20/10/2017. Điều này cho thấy: "Tình trạng hôn nhân giữa anh Ch và chị D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được". Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của anh Ch là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Ch và chị D.

[5] Trong thời gian anh Ch và chị D chung sống với nhau có con chung là cháu Mai Hồng S, sinh ngày 21/12/2003 và cháu Mai Hồng Ng, sinh ngày 28/8/2007. Sau khi ly hôn anh Ch yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng các con chung đến tuổi trưởng thành và lời khai cháu S và cháu Ng muốn ở cùng với anh Ch khi bố mẹ ly hôn nên HĐXX chấp nhận và cần giao các con chung cho anh Ch là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung: Anh Ch không yêu cầu và anh Ch khai không nợ chung nên HĐXX không xem xét.

[7]Về án phí: anh Mai Hồng Ch phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56,81,82,83,84,116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mai Hồng Ch với chị Vũ Thị D.

Anh Mai Hồng Ch được ly hôn với chị Vũ Thị D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2003, ngày 24 tháng 01 năm 2003 do Ủy ban nhân dân xã Đăk Buk So, huyện Đăk R' Lấp, tỉnh Đăk Nông (huyện Tuy Đức hiện nay) không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao cháu Mai Hồng S, sinh ngày 21/12/2003 và Cháu Mai Hồng Ng, sinh ngày 28/8/2007 cho anh Mai Hồng Ch là người trực tiếp trông non, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con chung nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình. Người không trực tiếp nuôi con chung mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

4. Về tài sản chung và nợ chung: không nợ nần ai và tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Anh Mai Hồng Ch phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* được khấu trừ vào số tiền anh Ch đã nộp theo biên lai số 0000573 ngày 12 tháng 12 năm 2017 tại Chị cục thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận**:*

- Đương sự;
- VKSND huyện;
- THA huyện Tuy Đức**;**
- UBND xã ĐB S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

ĐÃ KÝ

Phạm Văn Quân